TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/HS-ST
Ngày: 07-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Lưu Văn N, sinh năm 1982 tại Cần Thơ; nơi cư trú: khóm PM, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lưu Văn H và bà Phạm Thị V (chết); vợ, con: Không.

Tiền án: 01 lần. Ngày 16/3/2015, bị Tòa án nhân dân quận Ô M, thành phố Cần Thơ xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2015/HSST. Bị cáo chấp hành hình phạt xong án phạt tù vào ngày 25/01/2022, bị cáo chưa nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Ngày 29/8/2022, bị Ủy ban nhân dân thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản", bị cáo chưa nộp phạt.

Nhân thân:

Ngày 18/10/2000, bị Tòa án nhân dân thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân".

Ngày 27/7/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Ngày 30/6/2004, bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Ngày 11/9/2008, bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo được tại ngoại; có mặt.

- *Bị hại*:

1. Nguyễn Thành N, sinh năm 1990; nơi cư trú: khóm TA, phường TH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

2. Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1979; nơi cư trú: khóm TA, phường TH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lưu Văn H, sinh năm 1953; nơi cư trú: khóm PM, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp AP, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 06/7/2023, Công an phường TH, thành phố V tiến hành tuần tra trên địa bàn phường TH. Khi đi đến Khu vực Tổ 9, khóm TA, phường TH, thành phố V thì phát hiện Lưu Văn N có hành vi trộm cắp tài sản là 01 giá võng bằng sắt và 01 sào phơi đồ bằng sắt. Công an phường TH tiến hành lập biên bản sự việc và hồ sơ ban đầu và tạm giữ những tang vật liên quan đến vụ trộm cắp tài sản.

Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 06/7/2023, anh Nguyễn Thành N đến Công an phường TH trình báo về việc mất trộm 01 sào phơi đồ bằng sắt. Khoảng 08 giờ 40 phút anh Nguyễn Minh Đ đến Công an phường TH trình báo về việc mất trộm 01 giá võng bằng sắt. Công an phường TH cho tiến hành nhận dạng và xác định tài sản bị mất trộm thì anh N xác định sào phơi đồ bằng sắt là của anh N, anh Đ cũng xác định giá võng bằng sắt là của anh Đ.

Qua làm việc với Công an phường TH, Lưu Văn N đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và khai nhận. Khoảng 03 giờ 30 phút, N điều khiển xe mô tô biển số 70L1-4836 từ nhà tại Tổ 6, khóm PM, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh ĐT đi đến phường TH, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long tìm tài sản để lấy trộm. Khi đi đến khu vực Tổ 9, khóm TA, phường TH, thành phố V; N lấy trộm 01 giá võng bằng sắt và 01 sào phơi đồ bằng sắt, do tài sản để cặp đường và không có ai trông coi nên lấy mang ra xe để đem đi bán phế liệu thì bị Công an phường TH, thành phố V bắt quả tang.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng ý với quyết định truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thành N và Nguyễn Minh Đ trình bày như sau: Về hình phạt, yêu cầu Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại đã nhận lại tài sản nên không còn yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lưu Văn H vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 70L1-4836 thuộc sở hữu của ông, ông cho bị cáo N mượn để sử dụng nhưng không biết bị cáo dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông H nhận lại tài sản xong, ông H không có ý kiến và yêu cầu gì (BL 91-92).

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình điều tra cũng đã xác định xe mô tô biển số 70L1-4836 do ông T đứng tên, ông bán cho người khác nhưng quá lâu ông không nhớ tên địa chỉ của người mua. Ông T không có ý kiến và yêu cầu gì đối với xe mô tô biển số 70L1-4836 (BL 89-90).

Tại Kết luận định giá tài sản số 41/HĐĐGTSTTTHS ngày 22/8/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố V. Kết luận: Giá võng bằng sắt trị giá 65.000 đồng; sào phơi đồ bằng sắt trị giá 146.000 đồng; tổng giá trị tài sản thẩm định là 211.250 đồng (BL 38-40).

Tại bản Cáo trạng số: 107/CT-VKS-TPVL ngày 06/11/2023, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Lưu Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, khẳng định nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật giữ nguyên việc truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lưu Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lưu Văn N mức án từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh qua các biên bản hoạt động điều tra, kết luận định giá, lời khai của bị hại, lời khai của người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai bị cáo trong suốt quá trình điều tra và cũng như tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xét có đủ cơ sở để kết luận.

Ngày 29/8/2022, bị cáo Lưu Văn N bị Ủy ban nhân dân thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản". Ngày 06/7/2023, bị cáo tiếp tục lén lút thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" của ông Nguyễn Minh Đ và ông Nguyễn Thành N, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 211.250 đồng. Do đó, bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm.

[3] Tội phạm do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Để phòng chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm. Bản chất thích hưởng thụ, lười lao động, không tích cực tham gia sản xuất để tạo ra của cải cho bản thân mà đi trộm cắp tài sản để nhằm phục vụ cho việc tiêu xài cá nhân, lợi dụng sơ hở của bị hại, dẫn đến

bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật. Mặc khác, bị cáo biết tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, biết hành vi chiếm đoạt tài sản sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, điều này thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo.

Vì vậy, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử xét thấy phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và để cho bị cáo có thời gian mà cải tạo cho bị cáo thấy được sai trái để sửa chữa, trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo có 01 (một) tiền án, chưa được xóa án tích. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 sào phơi đồ bằng sắt đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thành N theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 12/9/2023 (BL 61-62) và bị hại không còn yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 giá võng bằng sắt đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại Nguyễn Minh Đ theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 12/9/2023 (BL 63-64) và bị hại không còn yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 xe mô tô wave 110 - biển kiểm soát 70L1-4836, số máy WHLFM152MHV900300, số khung RMNWCHMNN6H000330 đã qua sử dụng. Bị cáo dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tài sản thuộc sở hữu của ông Lưu Văn H. Ông H không biết việc bị cáo sử dụng xe mô tô đi trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lưu Văn H theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 12/9/2023 (BL 65-66) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ

án không còn yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về hình phạt bổ sung: Đây là loại tội phạm ngoài hình phạt chính còn có thể áp dụng hình phạt tiền bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố V là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lưu Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn N 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lưu Văn N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo; bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Nhà tạm giữ CATP V;
- Tòa án cấp trên trực tiếp;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan